



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH



2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

01. Tổng quan công ty	6
02. Tình hình hoạt động	18
03. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc	42
04. Đánh giá của Hội đồng quản trị	50
05. Quản trị Công ty	58
06. Báo cáo tài chính	64

01

TỔNG QUAN CÔNG TY

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty cổ phần cấp nước Long Khánh

Tên Tiếng Anh: Long Khanh Water Supply Joint Stock Company

Tên viết tắt: LKWA

Địa chỉ: 02 Bis - Cách Mạng Tháng Tám - Thị Xã Long Khánh - Đồng Nai

Số điện thoại: (0251) 3877 241

Số fax: (0251) 3783 897

Website: www.capnuoclongkhanh.com.vn

Email: capnuoclongkhanh@yahoo.com.vn



Lịch sử hình thành và phát triển



CTCP Cấp Nước Long Khánh được thành lập, với tiền thân là Xí Nghiệp Nước Long Khánh.

2004

Cổ phiếu của CTCP Cấp nước Long Khánh được Trung tâm lưu ký Chứng Khoán Việt Nam (VSD) chấp nhận lưu ký.

2011

Công ty ngừng sản xuất nước đóng chai và cho thuê hệ thống sản xuất. Hoạt động cho thuê dài hạn sẽ mang lại nguồn thu cố định cho công ty trong những năm tiếp theo.

2018

2008

Xí nghiệp nước Long Khánh được cổ phần hóa và đổi tên thành CTCP Cấp Nước Long Khánh. Vốn điều lệ ban đầu là 25 tỷ đồng.

2012

Chính thức đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán LKW. Đây là một bước tiến mới trong việc đại chúng và quảng bá hơn nữa thương hiệu của LKW



Ngành nghề và địa bàn hoạt động kinh doanh

Công ty cổ phần Cấp Nước Long Khánh hoạt động trong lĩnh vực khai thác, lọc nước và phân phối nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tại các khu dân cư, cung cấp nguồn nước phục vụ cho hoạt động công nghiệp. Đây là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty.

- Theo dõi, giám sát thi công công trình cấp thoát nước;
- Công ty cung cấp các dịch vụ thi công xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm nước.
- Lắp đặt hệ thống ống cấp thoát nước.
- Theo dõi giám sát, thi công công trình cấp thoát nước đối với khu dân cư, khu chế xuất và khu công nghiệp trên địa bàn.

Ngoài ra, Công ty cũng hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực như:

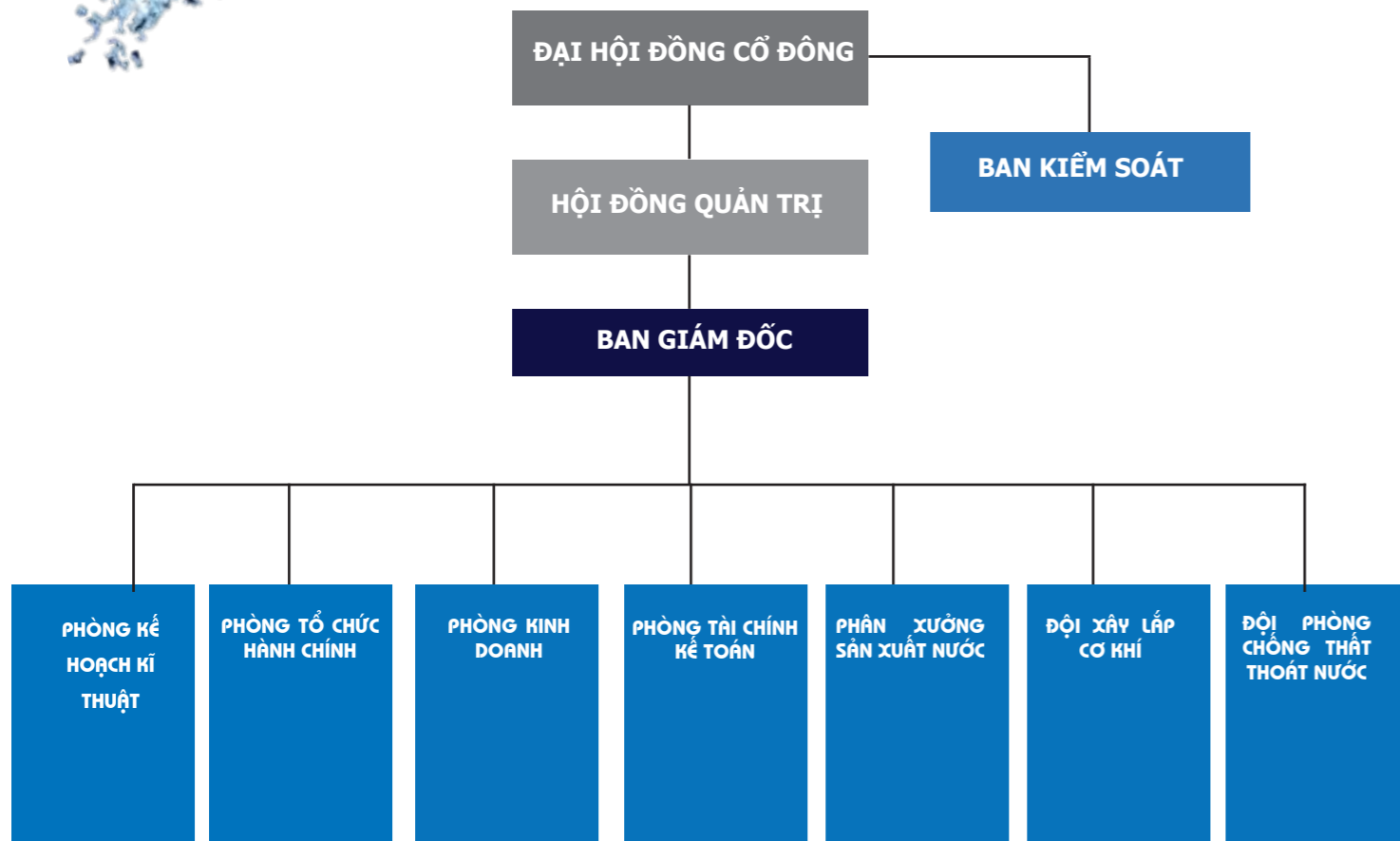
- Sản xuất sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc (không sản xuất tại trụ sở);
- Xây dựng đường ống thoát nước, trạm bơm, lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xử lý nước thải;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: nước tinh khiết đóng chai;
- Bán buôn máy móc thiết bị ngành nước.



Địa bàn kinh doanh: Công ty hoạt động sản xuất, cung cấp nước sạch và xây dựng lắp đặt đường ống cấp nước chủ yếu trên địa bàn Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.



Cơ cấu tổ chức



Các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần cấp nước Long Khánh (LKW) không có công ty con, công ty liên kết

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Kiểm soát giá vốn hàng bán: Do đặc thù hoạt động trong ngành cung cấp nước, công ty cần kiểm soát chi phí chủ yếu là điện năng, nguồn nước và một số loại hóa chất chuyên xử lý nước như phèn, vôi, clo để cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh.
- Uy tín và chất lượng: Tận dụng tối đa các nguồn lực không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, sửa chữa kịp thời các lỗi phát sinh, bảo trì đường ống đúng hạn. Đảm bảo việc cung cấp nước được diễn ra liên tục cho sản xuất và sinh hoạt của các doanh nghiệp, tổ chức và khu dân cư trên địa bàn hoạt động.
- Đội ngũ nhân sự: Có kế hoạch cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và cơ sở hạ tầng và quản lý kinh doanh, phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng một đơn vị cấp nước vững mạnh.

Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

- Môi trường: Môi trường là một trong những yếu tố quan tâm hàng đầu của Công ty. Công ty luôn chú trọng chất lượng nước, đảm bảo được các chỉ tiêu Lý - Hóa và Vi sinh theo quy định của Bộ Y Tế. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các quy định về khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên là nước ngầm nhằm bảo vệ nguồn nước tránh cạn kiệt, ô nhiễm. Ngoài ra, Công ty cũng có biện pháp hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm môi trường phát sinh từ các hoạt động sản xuất, thi công xây lắp.

Xã hội, cộng đồng:

Công ty luôn nỗ lực cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, cải cách thủ tục để đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục, ổn định, với áp lực và chất lượng cao nhất, đảm bảo tính kịp thời cho mọi nhu cầu của nhân dân và khách hàng;

Đảm bảo hệ thống cung cấp nước luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhằm mang lại nguồn nước ổn định cho người dân, doanh nghiệp và các tổ chức trong địa bàn hoạt động của công ty;

Đảm bảo chất lượng nước luôn đạt chuẩn, an toàn cho người sử dụng, thường xuyên rà soát mạng lưới cấp nước, các trạm bơm và trạm biến áp, đảm bảo chất lượng nguồn nước an toàn và đồng nhất cho mọi khách hàng.





Các nhân tố rủi ro

Rủi ro kinh tế

Năm 2018, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 7,08% - cao nhất từ năm 2008 tới nay, cho thấy những chính sách của Chính phủ đề ra đã đạt hiệu quả vượt mong đợi. Bên cạnh những diễn biến tích cực, trong năm 2018 biến động về chính trị cũng gây không ít khó khăn cho một số ngành. Nổi bật là cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc. Tuy nhiên, với đặc thù lĩnh vực của Công ty là khai thác và phân phối nước sạch, mặt hàng thiết yếu trong đời sống sinh hoạt và sản xuất do đó ít bị tác động mạnh bởi các yếu tố thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế.

Mặc dù ít chịu biến động từ thay đổi kinh tế, nhưng không vì vậy mà doanh nghiệp chủ quan với tình hình chung, Ban Lãnh đạo Công ty luôn cập nhật và theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, nhằm đảm bảo nhận diện và ứng phó kịp thời với các rủi ro do tác động từ nền kinh tế.

Rủi ro giá cả

Ngành cấp nước là ngành thiết yếu mang tính công ích và phục vụ cộng đồng, do đó giá cả đầu ra của ngành còn chịu sự kiểm soát của Nhà nước. Cụ thể hơn là giá sản phẩm đầu ra của Công ty do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định dựa trên quy định của Nhà nước. Do đó, mục tiêu lợi nhuận mà Công ty dự kiến đưa ra trước đó sẽ chịu ảnh hưởng.

Để đảm bảo kế hoạch trong năm đề ra Công ty thực hiện cải tạo và mở rộng mạng lưới cung cấp nước, đồng thời mở rộng hoạt động kinh doanh như: nước đóng chai, giám sát thi công công trình cấp thoát nước ... giúp đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, sử dụng hiệu quả các tài nguyên của doanh nghiệp.

Rủi ro mạng lưới phân phối nước

Sản phẩm kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khung giá do Nhà nước đưa ra nên việc kiểm soát tỉ lệ thất thoát nước là một trong những yếu tố quyết định lợi nhuận của Công ty.

Trong năm 2018 tỉ lệ thất thoát nước của Công ty là 17,22%, giảm 1,28% so với năm 2017 cho thấy hệ thống quản lý của công ty đã hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn ở mức cao nên Công ty đã thực hiện các biện pháp: duy trì và tiếp tục phát huy mô hình quản lý; gắn van 1 chiều, van xả khí tại trạm bơm hạn chế lượng hơi nước dư trong mạng, áp dụng kỹ thuật giảm nước không doanh thu (mô hình Caretaker) ... nhằm giảm tỉ lệ thất thoát nước đồng thời tiết kiệm nguồn nước và bảo vệ môi trường.

Rủi ro nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty là nguồn nước ngầm mà Công ty khai thác được. Theo nghiên cứu của Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên quốc gia, một số tầng chứa nước xuất hiện tình trạng suy thoái, cạn kiệt và ngày càng gia tăng diện tích nhiễm mặn. Điều này làm cho chất lượng nguồn nước ngầm không còn đảm bảo, ảnh hưởng lớn đến việc đảm bảo nguồn nước sạch của Công ty. Vì vậy, để đảm bảo uy tín và chất lượng sản phẩm, Công ty luôn chú trọng đảm bảo nguồn nước được cung cấp đầy đủ và đạt tiêu chuẩn theo thông tư số 04/2009/TT-BYT của Bộ Y tế.

Tuy nhiên, để hạn chế về rủi ro nguyên vật liệu LKW đã luôn duy trì tốt mối quan hệ hợp tác với các đơn vị cung cấp cũ và luôn tìm kiếm những nguồn cung cấp mới để có sự lựa chọn tiết kiệm chi phí đầu vào.

Ngoài ra trong quá trình sản xuất, Công ty luôn lên kế hoạch chi tiết và theo sát nhằm đảm bảo thực hiện theo đúng kế hoạch sản xuất, quản lý và tiết kiệm chi phí đầu vào cũng như việc sử dụng nguồn nước được hiệu quả nhất, đảm bảo lượng nước cung cấp đầy đủ và liên tục nhất cho khách hàng của Công ty

Rủi ro môi trường

Trong quá trình hoạt động và cung cấp những dịch vụ, Công ty không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực nhà máy.

Với đặc thù là cung cấp nguồn nước sạch cho người dân sử dụng nên chất lượng sản phẩm nước là một điều quan trọng, là yếu tố tác động trực tiếp đến đời sống dân cư.

- Công ty luôn ự thức và luôn tuân thủ các quy định về môi trường trong việc kiểm tra chất lượng nước và bảo quản hóa chất xử lý nước. Không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm.
- Trong quá trình sản xuất Công ty luôn có sự kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường. Hệ thống công nghệ áp dụng được bảo trì định kỳ, đảm bảo duy trì trạng thái hoạt của máy móc ở mức tốt nhất để tạo ra dòng nước sạch phân phối đến khách hàng



Rủi ro khác

Do lĩnh vực hoạt động của Công ty là cung cấp nước sạch với đầu vào có một phần là nguồn nước ngầm trong thiên nhiên nên tình hình thời tiết ít nhiều đều có ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty như: các hiện tượng thiên tai, hạn hán, bão lụt, hỏa hoạn, v.v....

Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó như: tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch và ý thức bảo vệ nguồn nước cho công nhân viên cũng như người dân, các biện pháp phòng chống thiên tai, v.v... nhằm nâng cao ý thức, giảm thiểu thiệt hại về người và của.

Rủi ro pháp luật

Công ty cổ phần cung cấp nước Long Khánh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công cộng nên việc tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu mà luật pháp đề ra là tiêu chí hàng đầu của doanh nghiệp. Với sản phẩm kinh doanh chính là nước sạch nên Công ty chịu sự điều chỉnh của các bộ luật như: Luật tài nguyên, Luật môi trường..v.v. Thêm vào đó là chịu sự tác động của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, v.v...do loại hình hoạt động là Công ty cổ phần và đã đăng kí giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội năm 2012.

Công ty luôn tìm cách để đưa ra những giải pháp nhằm hạn chế rủi ro về pháp luật như:

- Cập nhật liên tục quá trình thay đổi các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực hoạt động và pháp luật điều chỉnh về tổ chức hoạt động của công ty để có được sự điều chỉnh phù hợp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên cập nhật kiến thức pháp luật bằng cách cử nhân sự tham dự các buổi hội thảo phổ biến các quy định mới của cơ quan ngành và đơn vị tư vấn doanh nghiệp.
- Các bộ phận trong phòng ban của công ty luôn có trách nhiệm tìm hiểu và xây dựng quy trình hoạt động phù hợp với pháp luật để nhằm phát triển cho Công ty.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Các khoản đầu tư lớn

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo tác động liên quan đến

môi trường và xã hội

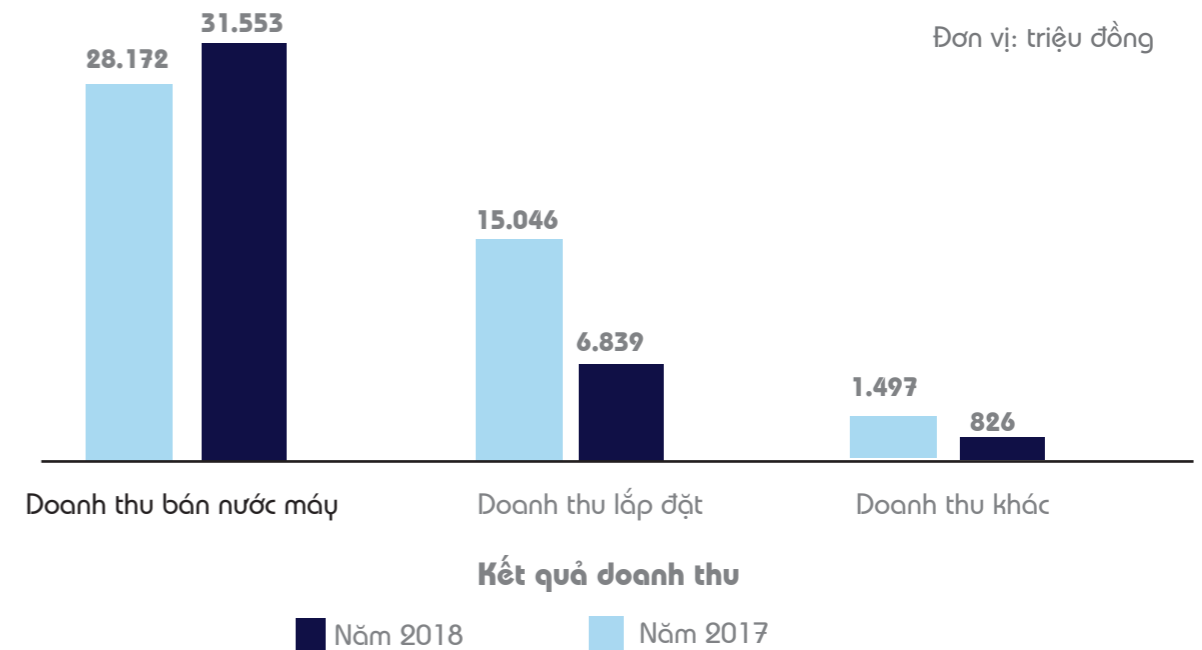
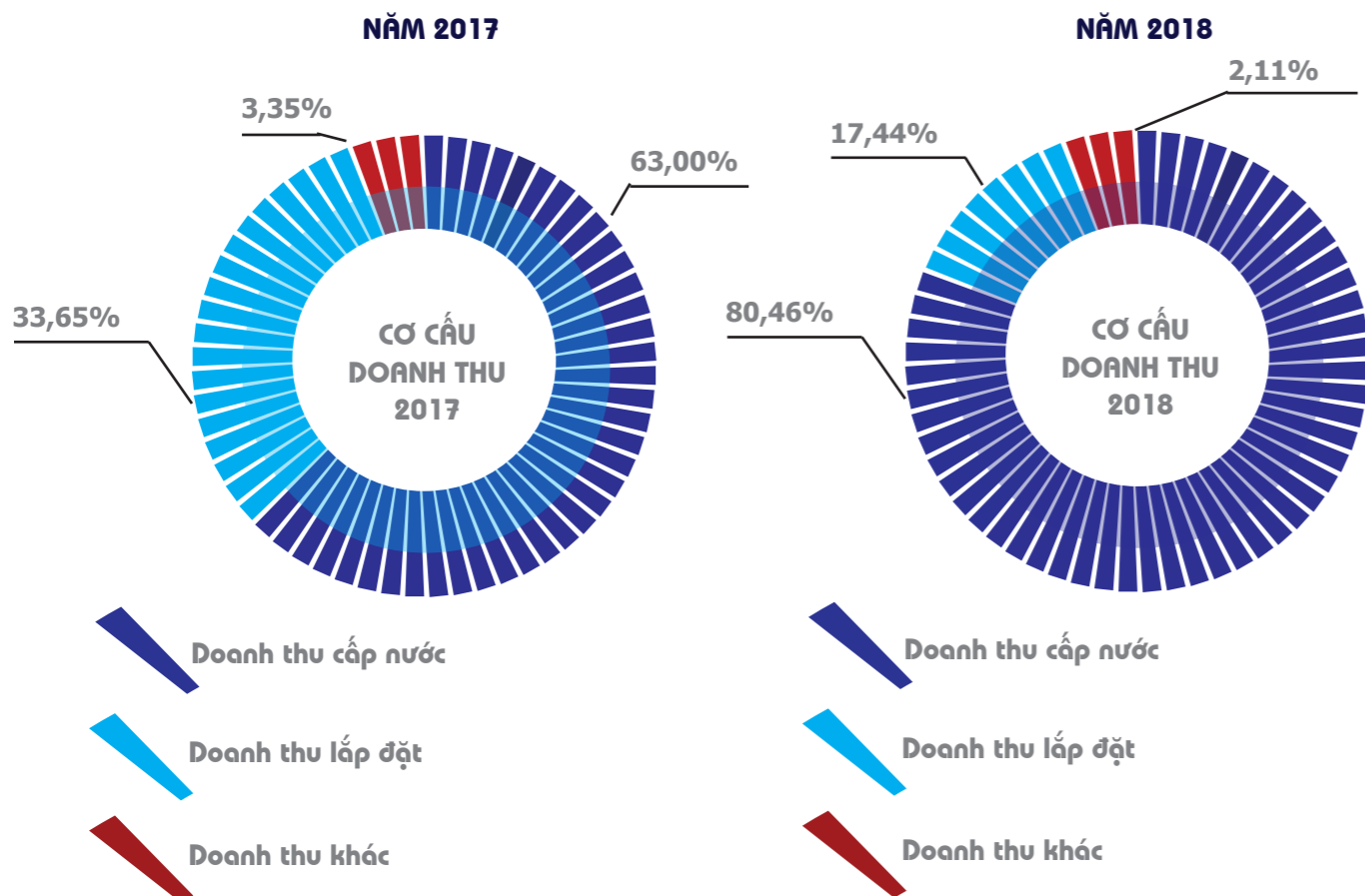




Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	2018		% TH/KH	% TH 2018/2017
			Kế hoạch	Thực hiện		
Sản lượng nước sản xuất	1.000 m ³	4.089	4.154	4.469,9	107,60%	109,32%
Sản lượng ghi thu	1.000 m ³	3.329	3.385	3.700,3	109,31%	111,15%
Tổng doanh thu	Tr. đồng	44.716	33.634	39.218,5	116,60%	87,71%
Tổng chi phí	Tr. đồng	36.108	24.974	30.489	122,08%	84,44%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	8.608	8.660	8.729,5	100,80%	101,41%
Lợi nhuận sau thuế	%	6.854	6.928	6.950,6	100,33%	101,41%

Tỷ lệ thất thoát nước năm 2018 tiếp tục giảm, đạt 17,22%. Giảm 1,38% so với kế hoạch và 1,28% so với năm 2017.



Hoạt động sản xuất nước

Trong năm 2018, Doanh thu từ hoạt động sản xuất nước đạt và vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể, doanh thu đạt 31,55 tỷ đạt 110,97% so với kế hoạch và tăng 12% so với năm 2017. Tỷ lệ thất thoát nước giảm từ 18,6% xuống 17,22%. Chất lượng nước cung cấp đạt 100% tiêu chuẩn chất lượng nước của Bộ Y tế (172 mẫu lý hóa và 172 mẫu vi sinh).

Hoạt động thi công xây lắp

Tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2018, doanh thu từ hoạt động thi công xây lắp giảm mạnh so với năm 2017 nhưng vẫn đạt và vượt so với chỉ tiêu kế hoạch. Cụ thể, doanh thu hoạt động này đạt 6,8 tỷ đồng, đạt 136,79% so với kế hoạch. Trong năm 2018, Công ty thực hiện thi công hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình tuyến ống cấp nước:

- Công trình tuyến ống HDPE D110 đầu nối từ trạm bơm giếng số 4 KCN Long Khánh về đường ống hiện hữu đường Dó KCN Long Khánh;
- Tuyến ống cấp nước HDPE D110 đường Điều Xiển xã Bàu Trâm
- Tuyến ống cấp nước HDPE D63 Hẻm 191 đường Nguyễn Văn Cừ và đường Hồ Tùng Mậu
- Tuyến ống cấp nước Khu dân cư ấp Núi Tung xã Suối Tre; đường Võ Văn Tần, đường số 2, số 3, số 5, số 7 và số 8.

Ngoài ra, Công ty còn tiến hành các hoạt động thi công khác như:

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước: tuyến ống cấp nước HDPE D63, HDPE D110 và HDPE D160
- Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường Trường học nối Bến chùa và Hẻm trường học Phước Thiển 1; Công trình tuyến ống cấp nước cống trước giáo xứ ấp Phước Lự và công trình tuyến ống cấp nước cống sau giáo xứ ấp Phước Lự tại xã Đại Phước.
- Lắp đặt 03 đồng hồ D60 và 01 đồng hồ D100 cho CTCP Bất động sản Thống Nhất tại Trung tâm Hành chính Dầu Giây, 02 đồng hồ D100 và 02 đồng hồ D60 tại KCN Long Khánh.

Hoạt động khác

Các mảng hoạt động còn lại gồm: cho thuê tài sản, tài chính, khác.... Đây là những mảng chiếm tỷ trọng không đáng kể, và ít biến động.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê tài sản mới phát sinh trong năm 2018 là do Công ty đã cho thuê toàn bộ hệ thống sản xuất nước uống đóng chai cho 01 doanh nghiệp tư nhân (vẫn duy trì nhãn hiệu nước uống đóng chai Tirsty). Thời hạn thuê là 10 năm, giá thuê dự kiến mỗi năm sẽ tăng 10%. Đây là mảng hoạt động dự kiến sẽ là nguồn thu ổn định trong thời gian tới của Công ty.



Tổ chức và nhân sự

Cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
01	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/04/2018
02	Ông Nguyễn Văn Bính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018
03	Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2018
04	Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	
05	Ông Đào Quý Tính	Thành viên	
06	Ông Huỳnh Trường An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2018
07	Ông Lê Văn Thới	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018
08	Ông Lê Văn Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018

Ông NGUYỄN ANH TUẤN – Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	1967
Quê quán	Thanh Hóa
Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Đại diện nắm giữ: 450.000 cổ phiếu (đại diện CTCP Cấp Nước Đồng Nai) - chiếm 18% VDL Sở hữu cá nhân: 6.600 cổ phiếu - chiếm 0,264% VDL

Ông NGUYỄN VĂN HÒA – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Năm sinh	1968
Quê quán	Bà Rịa - Vũng Tàu
Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Đại diện nắm giữ: 225.000 cổ phiếu (đại diện CTCP Cấp Nước Đồng Nai) - chiếm 9% VDL và 25.000 cổ phiếu (đại diện Công Đoàn)- chiếm 1% VDL Sở hữu cá nhân: 6.600 cổ phiếu - chiếm 0,264% VDL

Ông NGUYỄN QUANG MINH – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh	1980
Quê quán	Hà Nội
Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Đại diện nắm giữ: 350.000 cổ phiếu (đại diện CTCP Cấp Nước Đồng Nai) - chiếm 14% VDL Sở hữu cá nhân: 2.236 cổ phiếu - chiếm 0,089% VDL

Ông HUỖNH TRƯỜNG AN – Thành viên HĐQT

Năm sinh	1982
Quê quán	Bình Định
Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	0 cổ phiếu - chiếm 0,00% VDL

Ông ĐÀO QUÝ TÍNH – Thành viên HĐQT

Năm sinh	1964
Quê quán	Hưng Yên
Chức vụ tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty TNHH Thanh Sơn Tính
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 130.000 cổ phiếu - chiếm 5,2% VĐL

Cơ cấu Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
01	Ông Nguyễn Quang Minh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/04/2018
02	Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/09/2018
03	Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	
04	Ông Lê Văn Thới	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018
05	Ông Lê Văn Anh	Kế toán trưởng	

Sơ yếu lý lịch của Ông Nguyễn Quang Minh và Ông Nguyễn Văn Hòa vui lòng xem tại mục Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị.

Ông LÊ VĂN ANH – Kế toán trưởng

Năm sinh	1962
Quê quán	Quảng Bình
Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 2.381 cổ phiếu - chiếm 0,095% VĐL

Cơ cấu Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
01	Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban	
02	Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2018
03	Bà Đoàn Thị Vi Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2018
04	Ông Trần Văn Khoát	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018
05	Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018

Sơ yếu lý lịch của Ông Nguyễn Quang Minh vui lòng xem tại mục Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị.

Bà NGUYỄN THỊ HỒNG CHÂU - Trưởng ban kiểm soát

Năm sinh	1984
Quê quán	Đồng Nai
Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Đại diện nắm giữ: 250.000 cổ phiếu (đại diện CTCP Cấp Nước Đồng Nai) - chiếm 10% VĐL

Bà ĐOÀN THỊ VI VÂN - Kiểm soát viên

Năm sinh	1983
Quê quán	Đồng Nai
Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 400 cổ phiếu - chiếm 0,016% VĐL

Ông Nguyễn Quang Minh - Kiểm soát viên

Năm sinh	1992
Quê quán	Đồng Nai
Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Đại diện nắm giữ: 50.000 cổ phiếu (đại diện CTCP Cấp Nước Đồng Nai) - chiếm 2% VĐL

Tình hình và chính sách nhân sự

Tình hình nhân sự

Tính chất phân loại	2017	Tỷ trọng	2018	Tỷ trọng
Theo trình độ	70	100,00%	69	100,00%
Đại học	34	48,57%	33	47,83%
Cao đẳng	02	2,86%	03	4,35%
Khác	34	48,57%	06	8,70%
Theo tính chất hợp đồng	70	100,00%	69	100,00%
Hợp đồng có xác định thời hạn	07	10,00%	06	8,69%
Hợp đồng không xác định thời hạn	63	90,00%	63	91,3%

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

	2015	2016	2017	2018
Thu nhập bình quân	5.300.000	8.000.000	10.200.000	10.200.000

Chính sách đối với người lao động

Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, tạo mọi điều kiện để người lao động được nhận lương đúng niên hạn, các chính sách hậu phương gia đình người lao động đều được quan tâm. 100% người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công phù hợp công việc và các chế độ khác theo qui định. Cụ thể như sau:

- Công ty thực hiện chính sách tiền lương căn cứ vào thang bảng lương do Nhà nước quy định.
- Việc trả lương, thưởng thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty theo đơn giá, mức độ hoàn thành công việc.
- Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước.
- Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của cán bộ nhân viên và người lao động.

Công tác đào tạo

Một công ty tốt khi mỗi cá nhân trong công ty đều phải tốt, nên nhân sự cũng là nguồn lực quan trọng đối với Công ty. Người lao động là yếu tố đóng góp rất lớn trong quá trình sản xuất kinh doanh khi Công ty thực hiện mục tiêu hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên cho cán bộ công nhân viên học các lớp chuyên môn nghiệp vụ, các lớp ngắn hạn về quản lý, về chính sách thuế, triển khai văn bản nghị định.

Với chủ trương nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong việc phát triển của Công ty.

Công tác an toàn lao động

Trong công tác triển khai sản xuất và hoạt động hàng ngày của Công ty luôn ưu tiên về đảm bảo an toàn lao động. Công ty đã tăng cường kiểm tra các thiết bị, đường dây điện tại các trạm bơm và văn phòng Công ty, trang bị đầy đủ các thiết bị, phương tiện làm việc cần thiết, đồng phục và nón bảo hộ, dụng cụ PCCC và lập các rào chắn, bảng hiệu khi thi công. Thành lập an toàn vệ sinh lao động, thường xuyên kiểm tra, vận động công nhân viên chấp hành tốt công tác an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc. Công ty luôn tạo điều kiện làm việc an toàn và tốt nhất cho nhân viên.

Công tác bảo hộ lao động

Công ty đã trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động đầu năm 2018 cho công nhân sản xuất để thực hiện công tác kiểm tra định kỳ tại đơn vị.



Các khoản đầu tư lớn

Các công trình đã hoàn thành trong năm 2018

STT	TÊN CÔNG TRÌNH
1	Tuyến ống HDPE D110 đầu nối từ trạm bơm giếng số 4 KCN Long Khánh về đường ống hiện hữu đường Dó KCN Long Khánh
2	Tuyến ống cấp nước HDPE D110 đường Điều Xiển, xã Bàu Trâm
3	Tuyến ống cấp nước HDPE D63 hẻm 191 đường Nguyễn Văn Cừ
4	Tuyến ống cấp nước HDPE D63 đường Hồ Tùng Mậu
5	Tuyến ống cấp nước Khu dân cư ấp Núi Tung xã Suối Tre: đường Võ Văn Tần, đường số 2, số 3, số 5, số 7 và số 8.
6	Mở rộng tuyến ống cấp nước HDPE D63 với tổng chiều dài: 4.994 m
7	Mở rộng tuyến ống cấp nước HDPE D110 với tổng chiều dài: 2.315 m
8	Mở rộng tuyến ống cấp nước HDPE D160 với tổng chiều dài: 1.305 m
9	Đường dây trung thế và trạm biến áp 3 pha 3x25 KVA cấp nguồn giếng trạm bơm số 4 KCN Long Khánh.
10	Cải tạo trạm bơm và xây mới nhà xe tại giếng số 5 đường Tô Hiến Thành
11	Xây dựng nhà trạm bơm tại giếng số 02, 03, 04 KCN Long Khánh
12	Xây dựng nhà trạm bơm tại giếng số 01, 02, 04 KCN Suối Tre - Tx. Long Khánh
13	Thổi rửa các giếng khoan: GK-01, GK-02, cK BV-01, GK-07 và GK Núi Tung - Tx. Long Khánh

Các công trình kế hoạch năm 2019

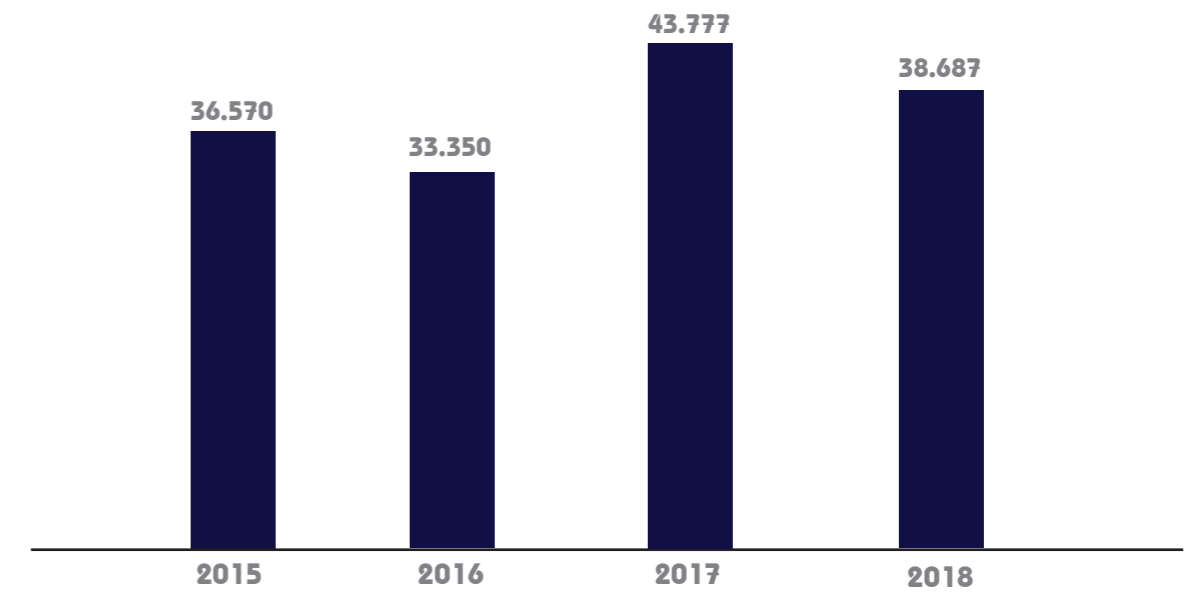
STT	TÊN CÔNG TRÌNH
1	Mở rộng và cải tạo Tuyến ống cấp nước HDPE D63 với tổng chiều dài: 4.142 m
2	Mở rộng và cải tạo Tuyến ống cấp nước HDPE D75 với tổng chiều dài: 155 m
3	Mở rộng và cải tạo Tuyến ống cấp nước HDPE D110 với tổng chiều dài: 6.350 m
4	Mở rộng và cải tạo Tuyến ống cấp nước HDPE D160 với tổng chiều dài: 1.342 m
5	Đầu tư hệ thống biến tần điện cho các trạm bơm
6	Thổi rửa các giếng khoan: GK-03, GK-06, GK-08, GK-09, GK-10 và GK Xuân Bình - Tx. Long Khánh
7	Xây dựng bể chứa nước công suất 1.000 m ³ và 04 giếng khoan tại KCN Long Khánh

Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2017	2018	% tăng giảm
Tổng tài sản	Triệu đồng	41.799	42.065	49.715	47.570	-4,31%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	36.570	33.354	43.778	38.700	-11,6%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	36.570	33.350	43.777	38.687	-11,63%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	7.375	8.101	8.803	8.669	-1,52%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-289	0.763	-195	61	-
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.086	8.102	8.608	8.729	1,4%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.501	6.454	6.854	6.950	1,4%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	1.870	2.194	2.330	2.363	1,42%
Tỉ lệ chia cổ tức	%	12	12	15	10 (*)	-

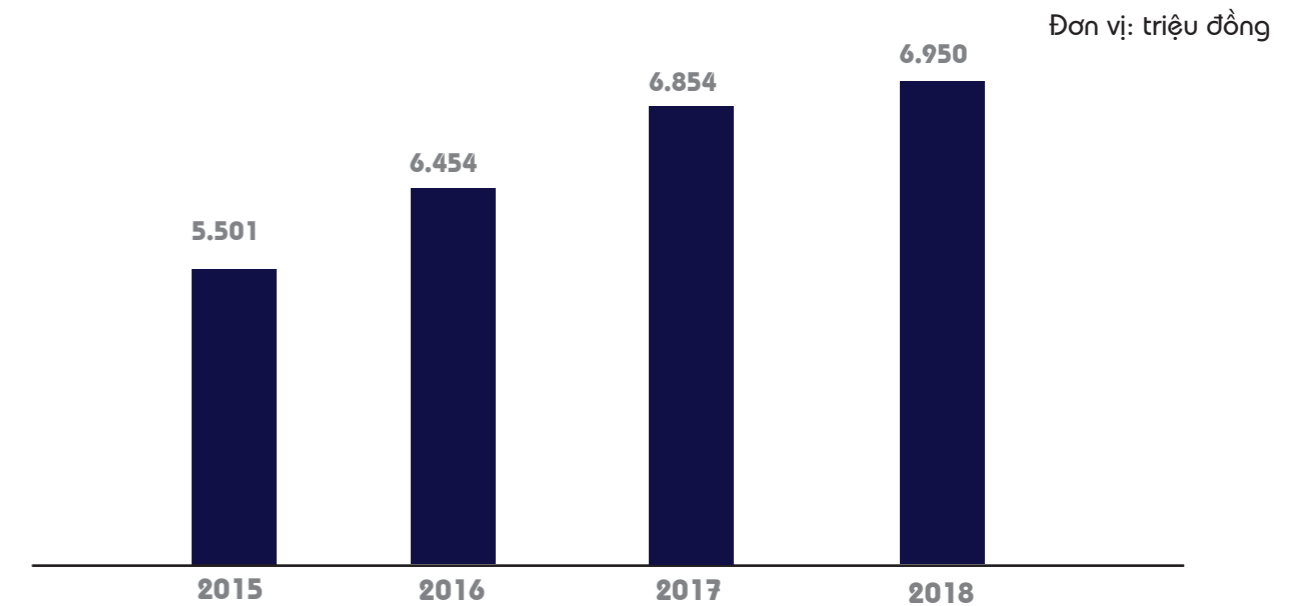
(*): số kế hoạch 2018. Số thực hiện 2018 sẽ được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019



Doanh thu qua các năm

Doanh thu thuần

Doanh thu thuần năm 2018 đạt 38.687 triệu đồng, giảm 11,6% so với năm ngoái do doanh thu từ mảng lắp đặt giảm. Cụ thể, doanh thu từ mảng lắp đặt đạt 6.853 triệu đồng, giảm hơn 54% so với năm ngoái. Tuy nhiên, trong năm qua công ty đã lắp đặt 1.149 đồng hồ mới, nâng số lượng khách hàng của công ty lên 16.714, doanh thu từ mảng cung cấp nước sạch đạt 31.553 triệu đồng, tương đương tăng 12% so với năm ngoái.



Lợi nhuận sau thuế qua các năm

Lợi nhuận sau thuế

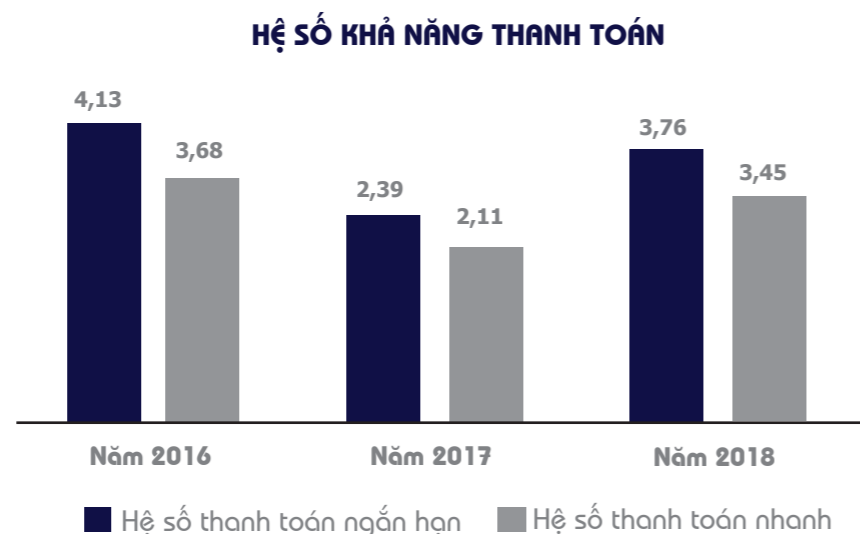
Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 6.950 triệu đồng, tăng 96 triệu đồng tương đương tăng 1,4% so với năm trước. Qua các năm, lợi nhuận sau thuế của công ty luôn tăng trưởng ổn định nhờ vào chi phí khác giảm và lợi nhuận khác có lãi. Cụ thể, chi phí khác chỉ hơn 1,3 triệu đồng, tương đương giảm hơn 330 triệu đồng so với năm ngoái; lợi nhuận khác đã bắt đầu ghi nhận lãi với 61 triệu đồng.

Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
01 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,13	2,39	3,76
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,68	2,11	3,45
02 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	9,77	17,80	9,37
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	10,83	21,66	10,33
03 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,67	11,22	9,39
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,8	0,95	0,81
04 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	19,35	15,66	17,97
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	17,62	17,39	16,12
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	15,39	14,94	14,61
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	24,29	20,11	22,41

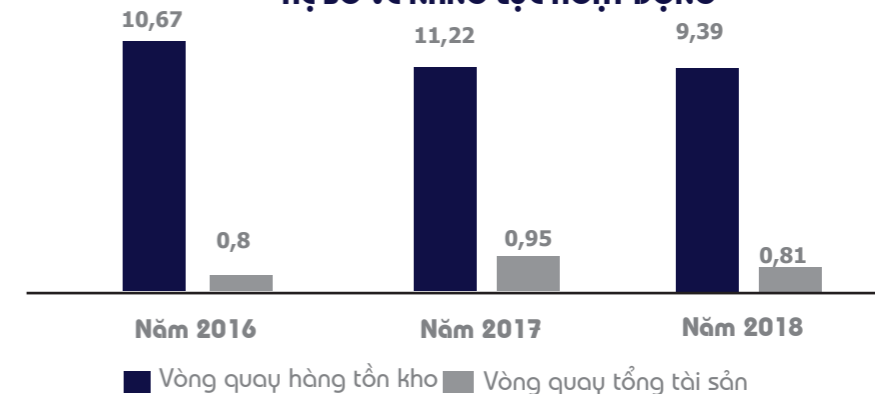
Hệ số khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt là 3,76 và 3,45. Cả 2 chỉ số đều tăng so với năm ngoái, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Bên cạnh đó, cơ cấu tài sản ngắn hạn chủ yếu là tiền và các khoản tương đương tiền, chiếm 82,59% và hơn 47,09% của nợ phải trả là khoản phải trả người lao động; cho thấy công ty có thể đảm bảo thanh toán đúng hạn cho các nợ của mình



HỆ SỐ VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: vòng

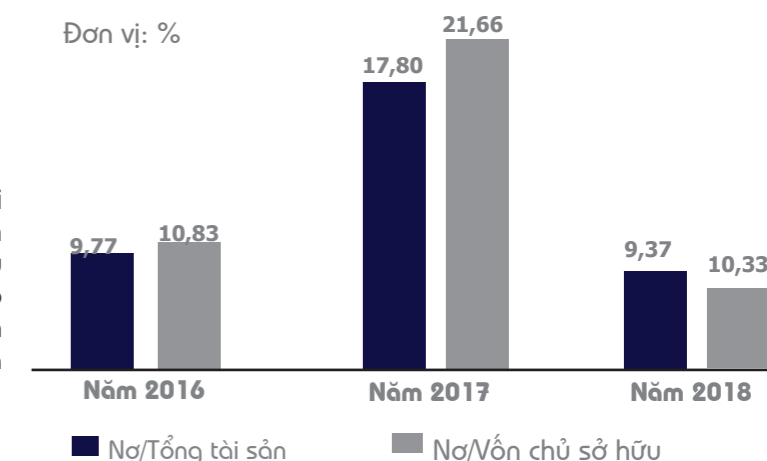


Hệ số về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2018 giảm còn 9,39 vòng do giá vốn hàng bán và hàng tồn kho của Công ty đều giảm. Hàng tồn kho giảm mạnh nhất do giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Trong năm, Công ty tập trung vào việc cải thiện các tuyến nước trong thành phố để giảm thiểu tỷ lệ thất thoát nước, cung cấp nước kịp thời cho khách hàng của công ty. Vòng quay tài sản năm nay cũng giảm nhẹ còn 0,81 lần.

HỆ SỐ VỀ CƠ CẤU VỐN

Đơn vị: %

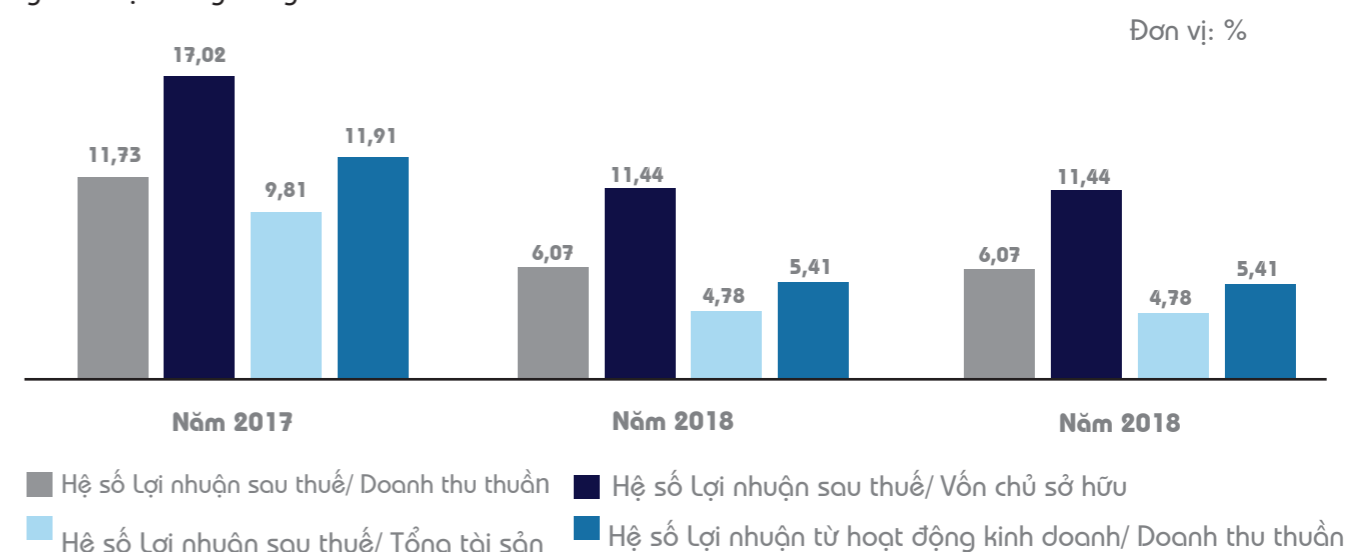


Hệ số về cơ cấu vốn

Cơ cấu nợ năm 2018 đã giảm đáng kể so với năm ngoái. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 17,80% xuống còn 9,37% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 21,66% xuống còn 10,33% do công ty đã thanh toán phần lớn khoản nợ đến hạn cho đối tác. Tính đến 31/12/2018, nợ phải trả chỉ chiếm 50% so với năm 2017.

Hệ số khả năng sinh lời

Trong năm 2018, một số công trình đầu tư trước đó đã được đưa vào sử dụng, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh của công ty. Do đó, hai hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần tăng hơn 2% so với năm trước. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu và Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản giảm nhẹ không đáng kể.



HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 2.500.000 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ phiếu thường: 2.500.000 cổ phiếu.

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2.500.000 cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông tại ngày 20/06/2018

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp năm giữ	Tỷ lệ năm giữ (%)
01	Cổ đông nhà nước	-	-	-
02	Cổ đông trong nước	198	2.461.200	98,45%
	- Tổ Chức	04	1.545.000	61,8%
	- Cá nhân	194	916.200	36,65%
03	Cổ đông nước ngoài	03	38.800	1,55%
	- Tổ chức	03	38.800	1,55%
	- Cá nhân	-	-	-
04	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng		201	2.500.000	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm Công ty Cổ phần cấp nước Long Khánh không có sự thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

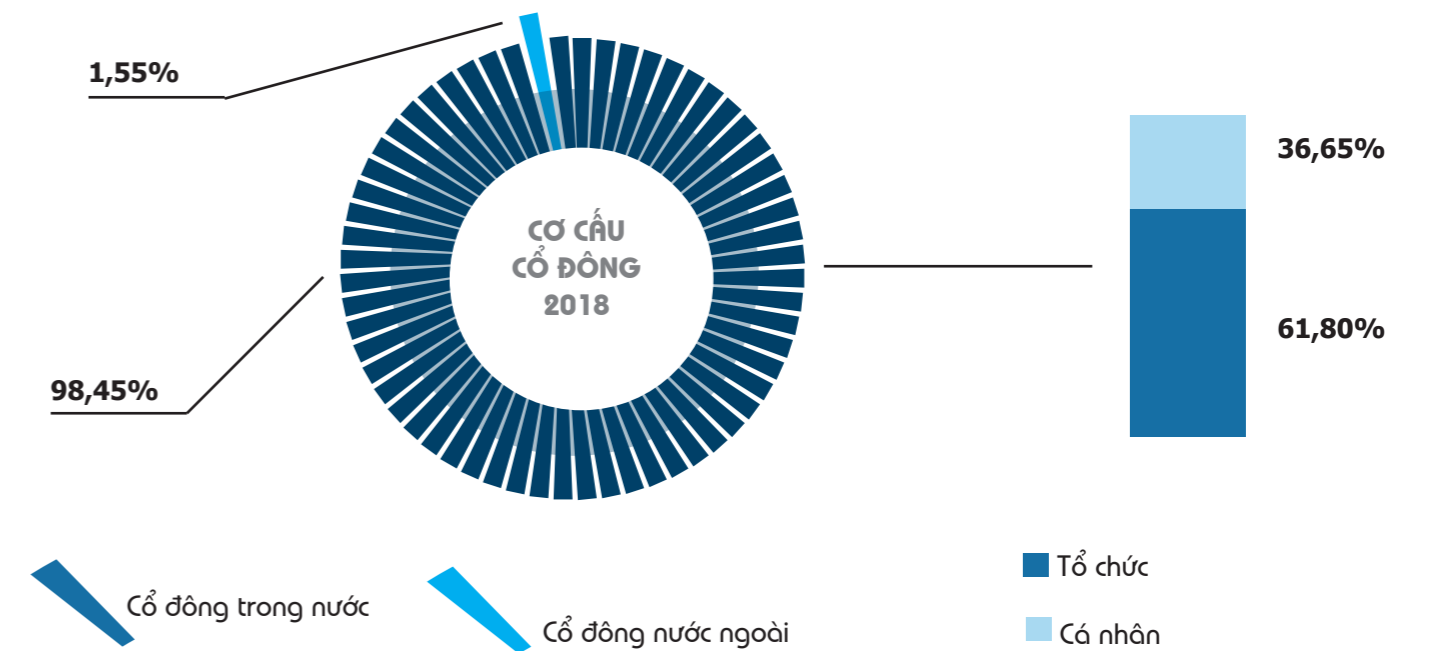
Trong năm 2018, Công ty không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Không có.

Danh sách cổ đông lớn

STT	Đối tượng	Số lượng cp năm giữ	Tỷ lệ năm giữ (%)
01	Đào Quý Tính	130.000	5,20%
02	CTCP Nhựa Tân Tiến	147.000	5,88%
03	CTCP Cấp nước Đồng Nai	1.275.000	51,00%
Tổng cộng		1.552.000	62,08%





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Quản lý hoạt động chống thất thoát nước

Nước là nguồn tài nguyên vô giá, thiết yếu cho sự sống của con người và sinh vật trên toàn trái đất. Vì thế, việc bảo vệ, sử dụng và tiết kiệm nước sạch luôn là ưu tiên hàng đầu của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Hiểu được điều đó, Công ty cổ phần Cấp nước Long Khánh luôn xem trọng nhiệm vụ phòng chống cấp thoát nước và duy trì nhiệm vụ này thường xuyên. Trong năm 2018, công ty đã khoanh vùng, tách mạng dò tìm ống bể thất thoát nước, kiểm tra lập biên bản các đồng hồ mở nước lưu lượng nhỏ không quay chỉ số nước và lắp đặt thay thế mới. Thực hiện công tác điều áp phục vụ việc cung cấp nước đầy đủ trong dịp Tết Nguyên Đán Mậu Tuất 2018 và các ngày Lễ lớn trong năm.

Mặt khác, Công ty tăng cường cải tạo và mở rộng một số tuyến cấp nước mới để vừa phòng chống thất thoát nước vừa kịp thời cung cấp nước cho người dân ở các khu vực trong Thị xã Long Khánh. Cụ thể, Công ty đã thực hiện thi công cải tạo, thay thế tuyến ống cấp nước tại một số khu vực như: Hẻm 191 đường Nguyễn Văn Cừ; Hẻm 50 đường Khổng Tử - đường Nguyễn Trung Trực; Hẻm 23 đường Hùng Vương; Hẻm 2 đường Quang Trung và đường Nguyễn Văn Cừ,... Bên cạnh đó, công ty tiếp tục khảo sát, rà soát các tuyến ống cấp nước STK cũ khu vực nội ô Thị xã và thực hiện lắp đặt đồng hồ tổng đánh giá thất thoát nước ở các tuyến này, lập kế hoạch cải tạo, thay thế sang ống HDPE mới. Nhờ những nỗ lực trên, công ty đã đạt được kết quả vượt mong đợi, tỷ lệ thất thoát nước giảm còn 17,5% thấp hơn kế hoạch đề ra khoảng 1,28%.

Quản lý chất lượng nước cung cấp

Hiện nay, nguồn nước sạch đang bị hạn hẹp dần do ô nhiễm môi trường nước ngày một nghiêm trọng; đặc biệt tại các khu vực gần khu công nghiệp và đô thị lớn. Các tình trạng chất thải chưa qua xử lý, tràn dầu, rác thải sinh hoạt... diễn biến thường xuyên hơn trong những năm gần đây. Do đó, chất lượng nước cung cấp luôn là vấn đề được quan tâm nhất của người dân nói chung và Cấp nước Long Khánh nói riêng bởi nó ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người dùng. Với hoạt động kinh doanh chính của công ty là cấp nước, Công ty hiểu rằng chất lượng nước là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Để đảm bảo hiệu quả kinh doanh và sức khỏe người dùng, công ty không ngừng tìm kiếm các nguồn nước đầu vào đạt tiêu chuẩn và kiểm duyệt lại chất lượng nguồn nước đầu vào trước khi đưa vào xử lý.

Chất lượng nguồn nước cung cấp trong năm qua đạt tiêu chuẩn chất lượng nước của Bộ Y tế (QCVN 02:2009/BYT và Thông tư số 04/2009/TT-BYT). Trong năm qua, đại diện cơ quan pháp lý nhà nước (Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Đồng Nai) đã xuống Công ty cổ phần Cấp nước Long Khánh lấy mẫu nước và kiểm duyệt với kết quả đạt 100% tiêu chuẩn, cho thấy Cấp nước Long Khánh ngày càng quản lý tốt chất lượng nước, cung cấp nguồn nước tốt nhất cho người dân tại khu vực.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Vấn nạn ô nhiễm môi trường hiện nay đang ở mức báo động ở trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa quá nhanh và các biện pháp quản lý, bảo vệ môi trường không kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh đột xuất, điều này làm ảnh hưởng lớn đến môi trường và nhất là môi trường nước. Để cải thiện tình trạng ô nhiễm này, ý thức của mỗi người dân, các tổ chức và doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. Công ty Cấp nước Long Khánh hiểu rõ bảo vệ môi trường, giữ gìn nguồn nước sạch chính là góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty - lĩnh vực cấp nước. Công ty luôn chấp hành đúng về luật bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ nguồn nước và mang đến cho người dùng chất lượng nước tốt nhất.



Quản lý tiêu thụ năng lượng

Tình hình sử dụng nhiên liệu trong năm qua của Công ty cổ phần Cấp nước Long Khánh như sau:

Danh sách cổ đông lớn

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2018	TH 2017	TH 2018	Tỷ lệ % so KH	Tỷ lệ % so cùng kỳ
Xe dầu	Lít	3.302	3.002	1.513	45,82	50,40
Xe xăng	Lít	2.963	2.694	3.539	119,44	131,37
Dầu chạy máy phát điện	Lít	200	112	116	58,00	103,57
Điện năng tiêu thụ	Kw	1.773.758	1.303.471	1.494.423	84,25	114,65
Javel 5%	Kg	45.694	14.540	14.610	31,97	100,48
NaOH 30%	Kg	56.910	11.110	13.960	24,53	125,65



GROWING

Chính sách liên quan đến người lao động

Nguồn nhân lực luôn là yếu tố quan trọng trong sự phát triển bền vững của một tổ chức hay một doanh nghiệp, Công ty cổ phần Cấp nước Long Khánh luôn quan tâm đến người lao động, chú trọng đến sức khỏe của họ. Công ty luôn đảm bảo chi trả lương đúng hạn và đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội cho các CB.CNV. Ngoài ra, vào dịp lễ, tết, Công ty còn có chính sách thưởng dựa trên mức độ hoàn thành công việc của mỗi cá nhân.

Bên cạnh những quyền lợi cơ bản như chính sách tăng lương theo mức lương tối thiểu vùng, khám sức khỏe định kỳ hàng năm năm, công ty còn có chính sách trợ cấp khó khăn, thăm hỏi thân nhân ốm đau...

Mặt khác, để tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh và tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động, công ty thường xuyên cho cán bộ công nhân viên học các lớp chuyên môn nghiệp vụ, các lớp ngắn hạn về quản lý, về chính sách thuế, triển khai văn bản nghị định; luôn vận động CB.CNV tự túc học tập để nâng cao trình độ

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2018, Công ty tham gia các hoạt động cộng đồng như:

- Tổ chức thăm hỏi động viên, tặng quà cho 01 Bà mẹ liệt sỹ mà Công Ty nhận phụng dưỡng dịp tết Nguyên Đán, các ngày lễ lớn và ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7.
- Tham gia thực hiện kế hoạch "Tăng cường thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thị xã Long Khánh năm 2018" do Ủy Ban Nhân Dân thị xã Long Khánh tổ chức.
- Triển khai thực hiện tuyên truyền kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, mừng xuân Mậu Tuất năm 2018, Đoàn TNCS HCM, ngày Lễ 30/4 & 1/5 và Quốc Khánh 2/9.
- Hướng dẫn hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ, Tháng hành động vì trẻ em, Ngày gia đình Việt Nam và các ngày kỷ niệm về Dân số năm 2018.
- Triển khai hướng dẫn một số nội dung trọng tâm của Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp tỉnh Đồng Nai năm 2018; Hướng dẫn công tác tuyên truyền biển, đảo và biên giới trên đất liền năm 2018 trong cán bộ, đoàn viên, công nhân viên chức lao động; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/05/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với hoạt động chào mừng các ngày lx lớn và Tháng công nhân năm 2018 của Công đoàn Tổng Công ty,....
- Tham gia hoạt động hưởng ứng "giờ Trái Đất năm 2018" tại thị xã Long Khánh.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá tình hình hoạt động

sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển năm 2019

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm

về môi trường và xã hội



Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh



“**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**”



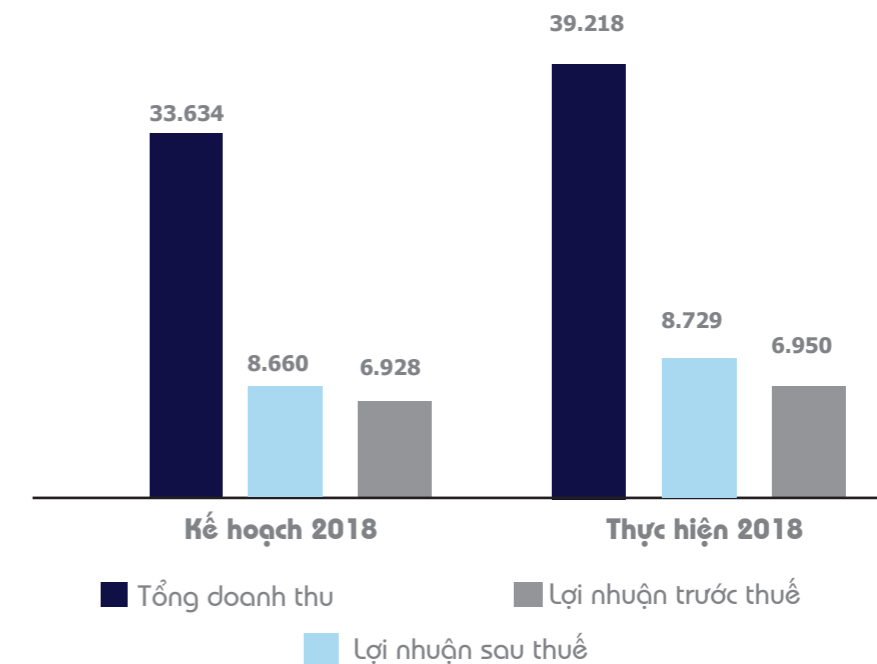
Trong năm 2018, với sự điều hành sáng suốt của Ban lãnh đạo cùng sự nỗ lực, cố gắng của cán bộ công nhân viên, các chỉ tiêu đề ra đều vượt kế hoạch, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	2018		% TH/KH
		Kế hoạch	Thực hiện	
Sản lượng nước sản xuất	1000 m3	4.154	4.469,9	107,60
Sản lượng nước tiêu thụ	1000 m3	3.385	3.700	109,31
Tỷ lệ thất thoát nước	%	18,50	17,22	-1,28
Tổng doanh thu	Tr. đồng	33.634	39.218	116,6
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	8.660	8.729	100,80
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	6.928	6.950	100,33
Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	%	10	-	-

Trong năm qua, theo sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo công ty tập trung vào mảng kinh doanh chính của công ty là cung cấp nước sạch và cải tạo lại một số tuyến nước nhằm nâng cao chất lượng kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, một số công trình tuyến ống như: HDPE D110 và HDPE D63 góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh chính của công ty, đảm bảo cung cấp nước kịp thời cho khách hàng và giảm thiểu thất thoát nước. Cụ thể, doanh thu 2018 đạt 39.218 triệu đồng, tương đương tăng 16,6% so với kế hoạch.

CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH

Đơn vị: triệu đồng





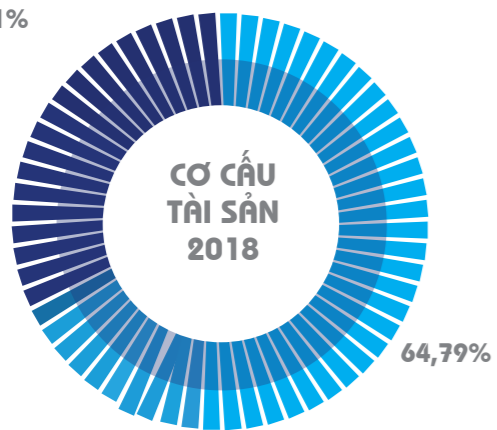
Tình hình tài chính

Tài sản

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2017		2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản dài hạn	28.592	57,51%	30.820	64,79%
Tài sản ngắn hạn	21.123	42,49%	16.750	35,21%
Tổng tài sản	49.715	100%	47.570	100%

35,21%



Tài sản dài hạn

Tài sản ngắn hạn

Trong năm, tổng tài sản giảm do tài sản ngắn hạn giảm 4.373 triệu đồng và tài sản dài hạn tăng 2.228 triệu đồng.

Nguyên nhân làm tài sản ngắn hạn giảm là các khoản phải thu ngắn hạn giảm 72,2%; trong đó, chủ yếu là khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng. Mặt khác, một số công trình tuyến nước và máy trạm bơm đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, nên những công trình này được ghi nhận tăng ở tài sản cố định. Một số công trình có giá trị lớn đóng góp vào mức tăng tài sản:

- TOCN HDPE D160=549m đường Võ Văn Tần Suối Tre Long Khánh
- TOCN HDPE D160=755m đường số 7+8 Suối Tre Long Khánh
- TOCN HDPE D110= 215m, D63=1.200 m đường 2 + bên phải đường số 3 Núi Tung Long Khánh
- Cải tạo trạm bơm & xây nhà để xe GS 5

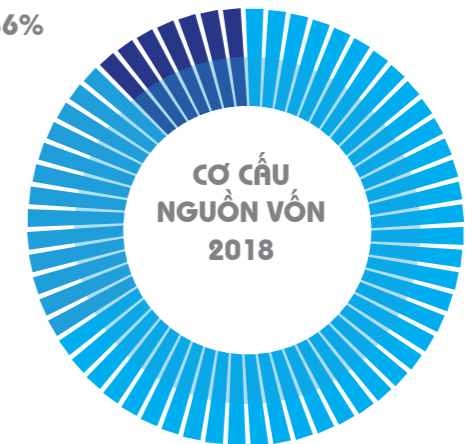
Nguồn vốn

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2017		2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	8.851	17,8%	4.455	9,36%
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	40.864	82,2%	43.115	90,63%
Tổng nguồn vốn	49.715	100%	47.570	100%

Cơ cấu nguồn vốn có sự thay đổi đáng kể. Cụ thể, Nợ phải trả giảm còn 9,36% Tổng nguồn vốn và Vốn chủ sở hữu tăng từ 82,2% lên 90,63% Tổng nguồn vốn. Nguyên nhân là do khoản phải trả người bán ngắn hạn giảm 79,4% còn 837 triệu đồng, cho thấy công ty đã thanh toán phần nợ đối với đối tác.

9,36%



90,63%

Vốn chủ sở hữu

Nợ ngắn hạn

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm công ty không có thay đổi về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý



Kế hoạch phát triển 2019

Nhận diện tình hình kinh tế trong nước giai đoạn 2016 - 2020 nói chung sẽ hội nhập sâu rộng, thời cơ và thách thức đan xen, đòi hỏi phải thích ứng linh hoạt với điều kiện chung. Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ tới để đảm bảo Doanh nghiệp phát triển ổn định và bền vững Ban điều hành đã đưa ra một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
I. Sản xuất nước			
01	Sản lượng nước sản xuất	m ³	4.482.000
02	Sản lượng nước ghi thu	m ³	3.720.000
II. Tổng doanh thu			
01	Doanh thu nước máy	Đồng	3 1.620.000.000
02	Doanh thu xây lắp	Đồng	5.000.000.000
03	Doanh thu HĐTC (TGNH)	Đồng	250.000.000
III	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	8.800.000.000
IV	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	7.040.000.000
V	Các khoản nộp Ngân sách	Đồng	6.300.000.000
VI. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế			
1	LNTT/Vốn ĐL	%	35
2	LNST/Vốn ĐL	%	28
VII	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10
VII	Đầu tư XD CB	Đồng	3.500.000.000
VIII	Thu nhập bình quân người/tháng	Đồng	11.000.000

Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019:

STT	Nội dung đầu tư
01	Đầu tư mở rộng & cải tạo mạng lưới cấp nước khu vực nội ô thị xã Long Khánh + Tuyến ống cấp nước HDPE D63 với tổng chiều dài: 4.142 m. + Tuyến ống cấp nước HDPE D75 với tổng chiều dài: 155 m + Tuyến ống cấp nước HDPE D110 với tổng chiều dài: 6.350 m + Tuyến ống cấp nước HDPE D160 với tổng chiều dài: 1.342 m
02	Đầu tư hệ thống biến tần điện cho các trạm bơm thay thế dần các hệ thống tủ điện điều khiển cũ.
03	Thổi rửa các giếng khoan: GK-03, GK-06, GK-08, GK-09, GK-10 và GK Xuân Bình tại Tx. Long Khánh
04	Xây dựng bể chứa nước công suất 1.000 m ³ và 04 giếng khoan tại KCN Long Khánh nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của KCN Long Khánh hiện tại và trong thời gian tới.





Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá đến các chỉ tiêu môi trường

Tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, hậu quả của nó là các cơn bão liên tục đổ bộ vào Việt Nam trong năm qua. Các cơn bão gây không ít thiệt hại đến tài sản, mùa màng của người dân, thậm chí là cả tính mạng như bão số 1, số 3, số 9 Sơn Tinh, ...

Nhận thấy rằng bảo vệ môi trường và nguồn nước luôn là yếu tố quan trọng bởi công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cấp nước. Do đó, Ban lãnh đạo công ty luôn chú trọng đến các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên của mình nhằm nâng cao ý thức của người lao động về bảo vệ môi trường. Mặt khác, công ty còn sử dụng tiết kiệm nguồn nhiên liệu, tham gia "Giờ Trái Đất" vừa tiết kiệm ngân sách quốc gia, ủng hộ tinh thần bảo vệ môi trường vừa giảm thiểu chi phí cho công ty.

Đánh giá về vấn đề lao động

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh luôn chú trọng đến các chính sách phúc lợi cho người lao động. Ngoài việc tăng lương theo mức tối thiểu vùng, công ty còn có các chính sách như khám bệnh định kỳ, thăm thân nhân đau ốm. Để đảm bảo an toàn lao động, công ty đã tăng cường kiểm tra các thiết bị đường dây điện tại các trạm bơm và văn phòng, trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động đầu năm 2018 cho công nhân sản xuất, dụng cụ PCCC và lập các rào chắn, bảng hiệu khi thi công. Thành lập ban an toàn vệ sinh lao động, thường xuyên kiểm tra, vận động công nhân viên chấp hành tốt công tác an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

Đánh giá trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh luôn tích cực hưởng ứng các phong trào mà Tổng Công ty và địa phương tổ chức. Cụ thể, thăm hỏi và tặng quà cho 01 mẹ Liệt sỹ mà Công ty nhận phụng dưỡng nhân dịp Lễ, Tết; hưởng ứng "Giờ Trái Đất"; tham gia diễn tập và hội thi PCCC tại Tx.Long Khánh,...



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

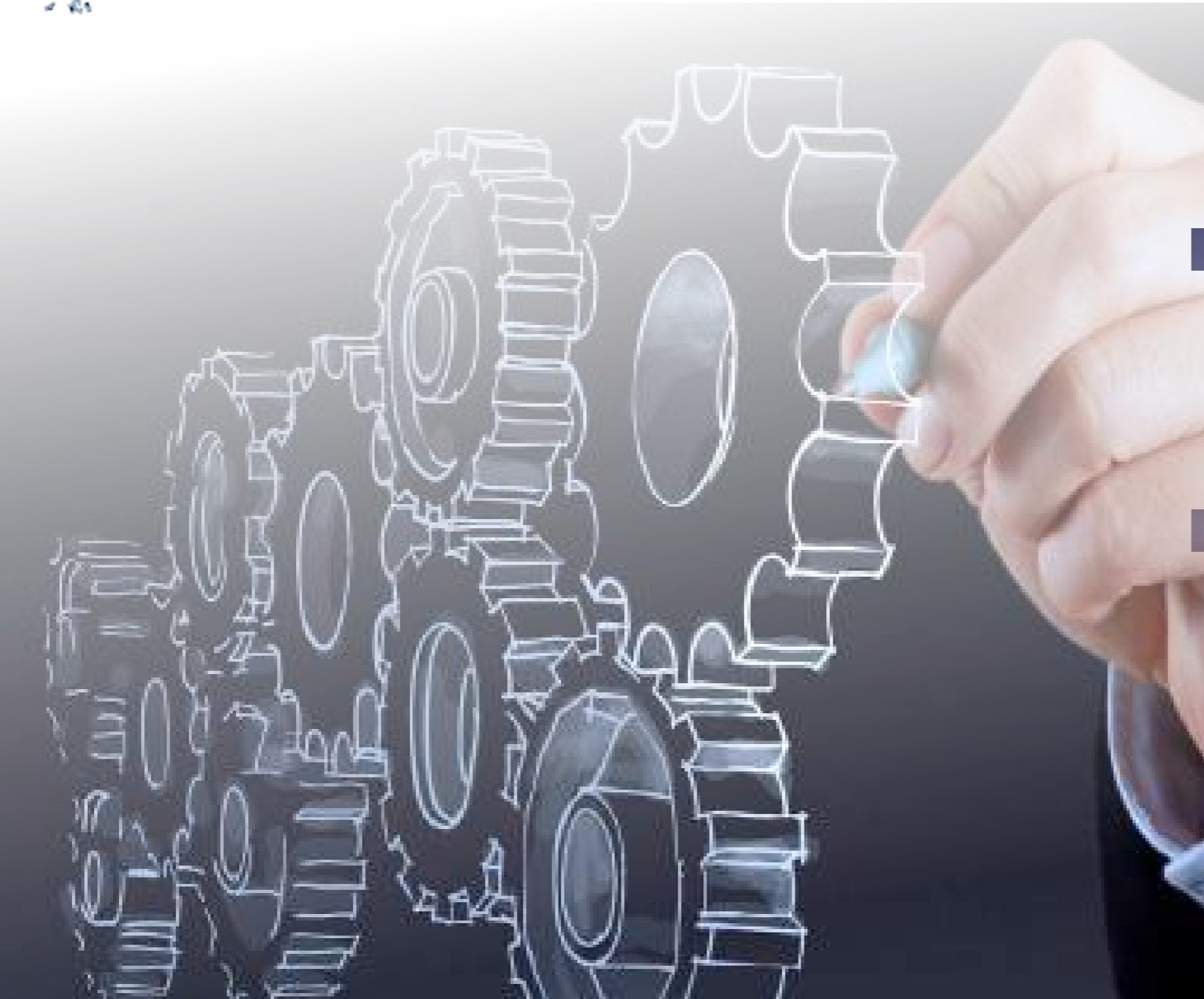
Đánh giá về hoạt động của Ban giám đốc

Kế hoạch và định hướng của HĐQT





Đánh giá hoạt động của công ty



Tổng kết hoạt động năm 2018, các chỉ tiêu kết quả kinh doanh của Công ty đều đạt và vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cụ thể, tổng doanh thu đạt 116,6% so với kế hoạch, tổng lợi nhuận trước thuế đạt 100,80% so với kế hoạch. Đối với từng mảng hoạt động kinh doanh cụ thể, Công ty đã đạt được một số thành tựu đáng khích lệ sau:

Về hoạt động sản xuất nước:

Công ty đã thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu sản xuất. Cụ thể, sản lượng nước ghi thu vượt 109,31% so với kế hoạch. Tuy nhiên tỷ lệ thất thoát nước chỉ giảm 1,28% so với kế hoạch do nhiều yếu tố khách quan nhưng chủ yếu là công tác giải phóng mặt bằng để thi công cải tạo sửa chữa vô cùng khó khăn Công ty đảm bảo cung cấp nước kịp thời ổn định cho tiêu thụ sinh hoạt và sản xuất trong dịp trước tết Nguyên đán và cao điểm mùa khô. Công tác sử dụng chương trình phần mềm ghi chỉ số đồng hồ nước bằng điện thoại, chương trình hóa đơn điện tử và không thu hóa đơn tiền nước tại nhà đạt kết quả tốt

Về hoạt động xây lắp:

Hoàn thành và bàn giao các công trình cải tạo tuyến ống cấp nước tại Thành phố Biên Hòa do Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai làm Chủ đầu tư; công trình tuyến ống cấp nước tại Khu công nghiệp Long Khánh do công ty cổ phần Khu công nghiệp Long Khánh làm chủ đầu tư; công trình tuyến ống cấp nước trên địa bàn huyện Nhơn Trạch do Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch làm chủ đầu tư. Đúng tiến độ và thời gian như hợp đồng ký kết. Tiếp tục triển khai thi công hoàn thành công trình chuyển đổi hệ thống cấp nước các hộ dân tại các công trình cải tạo tuyến ống cấp nước tại Thành phố Biên Hòa do Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai làm chủ đầu tư.

Đơn vị: triệu đồng

Kết quả kinh doanh 2018	2017	2018	%tăng/giảm
Doanh thu bán hàng và CCDV	43.778	38.700	-11,6%
Giá vốn hàng bán	24.074	18.020	-25,15%
Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	19.704	20.667	4,89%
Tổng lợi nhuận trước thuế	8.608	8.729	1,4%
Lợi nhuận sau thuế	6.854	6.950	1,4%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	2.330	2.363	1,42%



Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc và kế hoạch của Hội đồng quản trị

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% so với kế hoạch
01	Sản lượng nước sản xuất	1000 m3	4.154	4.469,9	107,60
02	Sản lượng nước tiêu thụ	1000 m3	3.385	3.700	109,31
03	Tỷ lệ thất thoát nước	%	18,50	17,22	-1,28
04	Tổng doanh thu	Tr. đồng	33.634	39.218	116,6
05	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	8.660	8.729	100,80
06	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	6.928	6.950	100,33
07	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	%	10	-	-

Trong năm qua, tập thể Ban lãnh đạo vào cán bộ công nhân viên đã thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra từ đầu năm. Ban lãnh đạo đã theo dõi tình hình thực tế, trao đổi với Hội đồng quản trị để đưa ra những biện pháp kịp thời và hợp lý nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh. Ngoài ra, trong năm qua, Ban lãnh đạo công ty tiếp tục tăng cường công tác xây dựng và củng cố đoàn kết nội bộ, cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ được giao.



Chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019
I Sản xuất nước			
1	Sản lượng nước sản xuất	m3	4.482.000
2	Sản lượng nước ghi thu	m3	3.720.000
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	17
II Tổng doanh thu		Đồng	37.170.000.000
III Tổng chi phí		Đồng	28.370.000.000
IV Lợi nhuận trước thuế		Đồng	8.800.000.000

CÁC GIẢI PHÁP:

- Tiết kiệm chi phí, tăng cường công tác quản lý điều hành sản xuất và ghi thu để nâng cao hiệu quả sản xuất; khai thác hợp lý công suất các trạm bơm hiện có, đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước và quản lý khai thác có hiệu quả 02 trạm bơm tiếp nhận tại khu vực Dầu Giây;
- Tích cực tìm kiếm tham gia đấu thầu công tác thi công xây lắp và chỉ định thầu xây lắp công trình cấp nước để tăng doanh thu.
- Ban phòng chống thất thoát nước tiếp tục thực hiện kế hoạch khoanh vùng – tách mạng và kiểm tra, dò tìm ống bể, cải tạo các tuyến ống cấp nước cũ lâu năm để giảm tỉ lệ thất thoát nước theo kế hoạch. Khắc phục nhanh các sự cố đảm bảo lưu lượng và áp lực cung cấp ổn định cho sản xuất và sinh hoạt cho các khu công nghiệp, khu dân cư trên địa bàn Công ty quản lý và phục vụ. Thực hiện các biện pháp đồng bộ nhằm tăng cường công tác phòng chống thất thoát nước hiệu quả để tăng doanh thu.
- Duy trì tổ kiểm tra khách hàng đột xuất khi cần thiết, đo đồng hồ khách hàng và thay thế những đồng hồ chạy không chính xác hoặc đồng hồ cũ trên 10 năm.
- Tiếp tục khảo sát và lập phương án đầu tư tăng nguồn cung cấp nước dự phòng trong nội ô Thị Xã.
- Nâng cao các chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và lợi ích

của Ban Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát,

Ban Tổng Giám đốc



Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
01	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	08/11	72,73%	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2018
02	Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	08/11	72,73%	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2018
03	Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	11/11	100%	
04	Ông Đào Quý Tính	Thành viên	11/11	100%	
05	Ông Huỳnh Trường An	Thành viên	08/11	72,73%	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2018
06	Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên	03/11	27,27%	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018
07	Ông Lê Văn Thới	Thành viên	03/11	27,27%	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018
08	Ông Lê Văn Anh	Thành viên	03/11	27,27%	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, kiểm tra các nhiệm vụ Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã giao cho Ban Giám đốc.

Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ hàng quý nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi tình hình hoạt động của Công ty để đưa ra những Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tập chung vào một số vấn đề chính như sau:

- Chỉ đạo, đánh giá kết quả SXKD và đầu tư xây dựng cơ bản trong từng tháng, quý. Đôn đốc và giám sát ban điều hành công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành, quản lý để thực hiện tốt những chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng tháng, quý còn lại.
- Kiểm tra, theo dõi việc công bố thông tin định kỳ và bất thường cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công ty đã thực hiện theo đúng quy định.
- Phê duyệt các chủ trương, ban hành các Nghị quyết, Quyết định thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.
- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ Công ty, dự họp đầy đủ và có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực cho việc ban hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đảm bảo cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị:

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT.

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
01	Số 03/NQ-HĐQT	02/02/2018	Nghị quyết HĐQT V/v tình hình SXKD năm 2017, kế hoạch 2018, Đơn giá tiền lương 2018: 25%/ doanh thu; Một số nội dung khác.
02	Số 08/QĐ-HĐQT	07/03/2018	Quyết định ngày ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
03	Số 11/QĐ-HĐQT	06/04/2018	Quyết định HĐQT V/v tặng quà lưu niệm cho thành viên HĐQT & BKS không tham gia HĐQT & BKS nhiệm kỳ III(2018-2023).
04	Số 12/QĐ-HĐQT	27/04/2018	Quyết định V/v thưởng cho HĐQT, BKS công ty CPCN Long Khánh và lãnh đạo Cty CP CN Đồng Nai năm 2017
05	Số 13/QĐ-HĐQT	27/04/2018	Quyết định Thành lập ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Cty CPCN Long Khánh.
06	Số 11/QĐ-HĐQT	06/04/2018	Quyết định HĐQT V/v tặng quà lưu niệm cho thành viên HĐQT & BKS không tham gia HĐQT & BKS nhiệm kỳ III(2018-2023).
07	Số 08/QĐ-HĐQT	07/03/2018	Quyết định ngày ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
08	Số 13/QĐ-HĐQT	27/04/2018	Quyết định Thành lập ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Cty CPCN Long Khánh.
09	Số 12/QĐ-HĐQT	27/04/2018	Quyết định V/v thưởng cho HĐQT, BKS công ty CPCN Long Khánh và lãnh đạo Cty CP CN Đồng Nai năm 2017
10	Số 01/NQ-HĐQT	27/04/2018	Bổ nhiệm giám đốc Nguyễn Quang Minh
11	Số 01/2018/QĐ-HĐQT	03/05/2018	Về việc bổ nhiệm Giám đốc Nguyễn Quang Minh Công ty Cổ phần cấp nước Long Khánh
12	Số 02/2018/QĐ-HĐQT	21/05/2018	Về việc bổ nhiệm lại phó Giám đốc Công ty Cổ phần cấp nước Long Khánh (Nguyễn Văn Hòa)
13	Số 03/2018/QĐ-HĐQT	21/05/2018	Về việc bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty Cổ phần cấp nước Long Khánh (Lê Văn Anh)
14	Số 04/2018/QĐ-HĐQT	28/05/2018	Về việc thực hiện lương người quản lý chuyên trách, Ban điều hành Công ty Cổ phần cấp nước Long Khánh
15	Số 02/NQ-HĐQT	21/05/2018	Phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ III (2018 - 2023), theo nội dung chi tiết đính kèm.
16	Số 04/NQ-HĐQT	28/05/2018	Áp dụng và thực hiện lương người quản lý chuyên trách, Ban điều hành công ty năm 2018.
17	Số 05/NQ-HĐQT	28/05/2018	Thông qua 1 số việc, nhiệm vụ SXKD cần thực hiện trong tháng 06/2018

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
18	Số 06/NQ-HĐQT	17/07/2018	Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ SXKD 6 tháng cuối năm 2018
19	Số 07/NQ-HĐQT	31/08/2018	Bổ nhiệm chức danh Phó giám đốc công ty: Nguyễn Văn Vĩnh
20	Số 08/NQ-HĐQT	20/10/2018	Thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ SXKD 3 tháng cuối năm 2018
21	Số 10/NQ-HĐQT	24/12/2018	Bổ nhiệm thư ký HĐQT kiêm người quản trị công ty: Nguyễn Thị Thanh Hương

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Không có.

Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành:

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.



Ban kiểm soát

Cơ cấu Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
01	Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban	03/03	100%	-
02	Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	03/03	100%	-
03	Bà Đoàn Thị Vi Vân	Thành viên	03/03	100%	-

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm vừa qua, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của mình. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ở từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn của mình, tiến hành kiểm tra các hoạt động của Công ty theo đúng quy định đã được cụ thể hóa tại Quy chế Công ty. Cụ thể:

- Định kỳ tổ chức các cuộc họp nhằm triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành khi thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán tài chính, kiểm tra tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động khác của công ty. Việc tổ chức các cuộc họp định kỳ sẽ giúp cho Ban kiểm soát nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty và để đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất.
- Bên cạnh đó, Ban kiểm soát luôn thực hiện nghiêm túc chức năng, quyền hạn của mình trong việc giám sát điều hành Công ty nhằm đảm bảo việc hoạt động hiệu quả, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty nhằm
- đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Với tinh thần trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao phó, Ban kiểm soát cử người tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để giám sát phối hợp. Trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bảo đảm công ty hoạt động theo đúng nghị quyết Đại Hội cổ đông thường niên 2018 đề ra, phù hợp với mục tiêu của Công ty và các chính sách, chế độ quy định của nhà nước.
- Kiểm soát tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, chứng từ kế toán, hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động nhằm đảm bảo tính đúng đắn của báo cáo tài chính.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

STT	Số công văn	Ngày	Nội dung
01	Số 03/BKS	17/05/2018	Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát
02	Số 04/BKS	19/07/2018	Kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Cấp nước Long Khánh trong 06 tháng đầu năm 2018.
03	Số 06/BKS	26/10/2018	Kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Cấp nước Long Khánh trong 09 tháng đầu năm 2018.

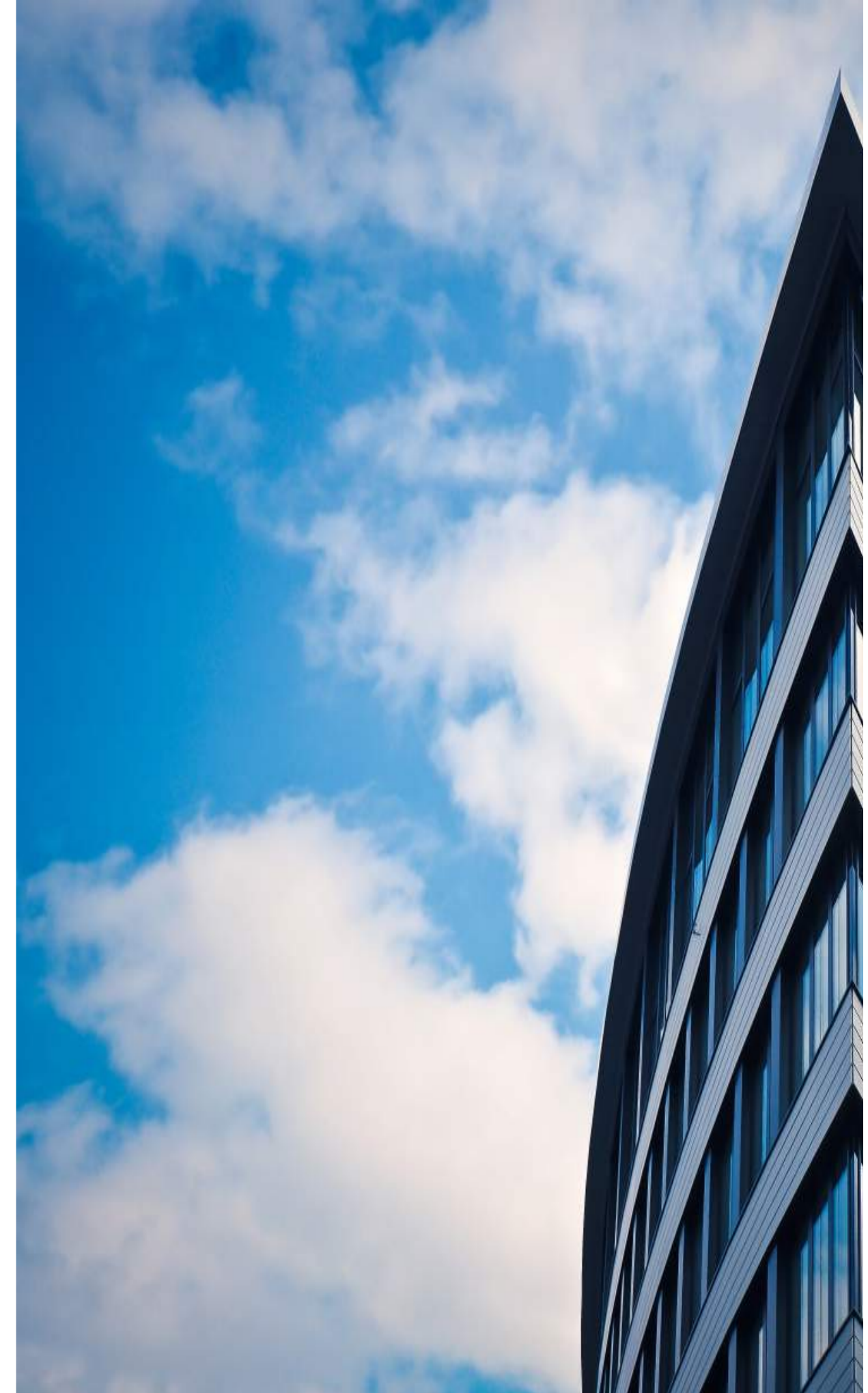


Giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương và phụ cấp	Thưởng	Cộng	Vay của Công ty
01 Hội đồng quản trị						
	Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT cũ	28.000.000	92.000.000	120.000.000	-
	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT mới	282.060.000	-	282.060.000	-
	Lê Văn Thới	Giám đốc cũ	307.006.100	80.000.000	387.006.100	-
	Nguyễn Quang Minh	TV.HĐQT Giám đốc mới	485.358.300	60.000.000	545.358.300	-
	Nguyễn Văn Hòa	TV.HĐQT Phó giám đốc	421.522.800	55.000.000	476.522.800	49.852.000
	Đào Quý Tính	TV.HĐQT	77.000.000	50.000.000	127.000.000	-
	Huỳnh Trường An	TV.HĐQT	251.531.000	-	251.531.000	-
02 Ban Kiểm soát						
	Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban	194.830.000	50.000.000	244.830.000	-
	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên cũ	16.000.000	47.000.000	63.000.000	-
	Trần Văn Khoát	Thành viên cũ	16.000.000	47.000.000	63.000.000	-
	Nguyễn Quang Minh	Thành viên mới	28.000.000	-	28.000.000	-
	Đoàn Thị Vi Vân	Thành viên mới	133.375.000	-	133.375.000	-
03 Ban điều hành						
	Nguyễn Văn Vĩnh	Phó giám đốc	249.690.546	-	249.690.546	-
	Lê Văn Anh	Hề toán trưởng	363.258.000	70.000.000	433.258.000	-
04 Thư ký						
	Nguyễn Thị Thanh Hương		230.730.000	37.000.000	267.730.000	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn/người có liên quan: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến đánh giá của Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính kiểm toán 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MST: 3600979223

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên
Ông Đào Quý Tính	Thành viên
Ông Huỳnh Trường An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Lê Văn Thới	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Lê Văn Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/04/2018)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Bà Đoàn Thị Vi Vân	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Trần Văn Khoát	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/04/2018)
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/04/2018)

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Minh	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Lê Văn Thới	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05/09/2018)
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *[Chữ ký]*



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 02 năm 2019 từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 06/02/2018.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2019

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2016-026-1

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.729.483.767	8.607.999.093
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	2.298.297.208	2.205.652.524
Các khoản dự phòng	03		-	(27.453.000)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.3	(469.842.258)	(142.017.628)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		10.557.938.717	10.644.180.989
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.993.197.878	(713.934.268)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.083.577.982	(631.694.645)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.295.341.168)	(1.224.343.506)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(898.561.117)	(636.060.216)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(2.164.279.443)	(1.593.799.644)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		218.321.797	2.511.684.488
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(891.650.000)	(558.451.725)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.603.204.646	7.797.581.473
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.627.746.182)	(2.788.688.665)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	413.636.364
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		469.842.258	341.944.638
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.157.903.924)	(2.033.107.663)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.741.592.500)	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.741.592.500)	(3.000.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		703.708.222	2.764.473.810
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.131.927.342	10.367.453.532
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	13.835.635.564	13.131.927.342



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 02 năm 2019

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí Nghiệp Nước Long Khánh. Ngày 24 tháng 09 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3060/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp nước Long Khánh thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 05 năm 2018.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán theo Quyết định số 71/2011/GCNCNP-VSD ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Việt Nam. Ngày 04 tháng 07 năm 2012, Công ty chính thức đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 25.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

	Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
			Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Việt Nam		12.750.000.000	51,00	12.750.000.000	51,00
Cổ đông khác	Việt Nam		12.250.000.000	49,00	12.250.000.000	49,00
Cộng			25.000.000.000	100,00	25.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 69 nhân viên (31 tháng 12 năm 2017 là 70).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. Phân phối nước sạch; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Theo dõi, giám sát thi công công trình cấp thoát nước. Tư vấn đấu thầu; Sản xuất các cấu kiện kim loại: Sản xuất sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc (Không sản xuất tại trụ sở).
- Lắp đặt hệ thống, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm. Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước; Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi; Thoát nước và xử lý nước thải: Xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình giao thông; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc thiết bị ngành nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
▪ Máy móc thiết bị	8 - 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 - 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 năm
▪ Khác	10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhà cửa, vật kiến trúc là 25 năm.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa, cải tạo,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa, cải tạo được phân bổ dần trong 03 năm;
- Chi phí khác được phân bổ từ 03 đến 05 năm.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí như chi phí vật liệu bao bì, chi phí nhân viên,....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hoạt động cung cấp nước: 5%;
- Hoạt động xây lắp: 10%;

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	34.242.587	21.748.659
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.235.790.090	4.310.178.683
Các khoản tương đương tiền	10.565.602.887	8.800.000.000
Cộng	13.835.635.564	13.131.927.342

4.2. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 6	491.658.917	1.682.835.077
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Du lịch Giang Điền	100.000.000	250.000.000
Các khách hàng khác	476.780.461	2.872.766.327
Cộng	1.068.439.378	4.805.601.404

4.3. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	956.030.855	-	894.226.116	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	421.146.762	-	1.566.529.483	-
Cộng	1.377.177.617	-	2.460.755.599	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2018 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Cơ sở hạ tầng	1.269.760.507	-	-	1.269.760.507
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Cơ sở hạ tầng	193.842.758	50.790.420	-	244.633.178
Giá trị còn lại:				
Cơ sở hạ tầng	1.075.917.749	-	-	1.025.127.329

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.6. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	852.159.140	292.875.015
Chi phí sửa chữa, cải tạo	233.355.705	365.469.959
Các khoản khác	738.513.061	267.121.815
Cộng	1.824.027.906	925.466.789

4.7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 6	539.721.626	539.721.626	2.599.065.594	2.599.065.594
Phải trả cho người bán				
Ông Lê Đức Thuận	233.782.254	233.782.254	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	63.671.570	63.671.570	1.464.447.961	1.464.447.961
Cộng	837.175.450	837.175.450	4.063.513.555	4.063.513.555

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2018	12.736.193.234	3.880.270.240	28.753.150.566	415.197.218	166.000.000	45.950.811.258
Mua trong năm	-	171.755.000	-	-	-	171.755.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	482.330.908	-	2.802.712.086	-	-	3.285.042.994
Tại ngày 31/12/2018	13.218.524.142	4.052.025.240	31.555.862.652	415.197.218	166.000.000	49.407.609.252

Giá trị hao mòn lũy kế:

Tại ngày 01/01/2018	5.077.342.047	2.454.083.078	11.762.878.543	257.090.866	112.049.992	19.663.444.526
Khấu hao trong năm	748.555.836	263.814.656	1.172.348.572	28.187.724	16.599.996	2.229.506.784
Tại ngày 31/12/2018	5.825.897.883	2.717.897.734	12.935.227.115	285.278.590	128.649.988	21.892.951.310

Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/01/2018	7.658.851.187	1.426.187.162	16.990.272.023	158.106.352	53.950.008	26.287.366.732
Tại ngày 31/12/2018	7.392.626.259	1.334.127.506	18.620.635.537	129.918.628	37.350.012	27.514.657.942

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.321.378.467 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Vốn chủ sở hữu

4.10.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	25.000.000.000	85.464.672	6.326.288.832	6.454.198.574	37.865.952.078
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.853.719.651	6.853.719.651
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	2.486.068.787	(2.486.068.787)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(968.129.787)	(968.129.787)
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2018	25.000.000.000	85.464.672	8.812.357.619	6.853.719.651	40.751.541.942
Lãi trong năm nay	-	-	-	6.950.587.014	6.950.587.014
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.370.743.930	(1.370.743.930)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.028.057.948)	(1.028.057.948)
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	25.000.000.000	85.464.672	10.183.101.549	7.655.504.787	42.924.071.008

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2018 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Thuế GTGT	46.304.614	998.902.421	1.616.617.510	664.019.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp	228.896.753	1.778.896.754	2.164.279.443	614.279.442
Thuế thu nhập cá nhân	17.842.185	356.976.982	370.143.763	31.008.966
Thuế tài nguyên	38.807.521	1.905.780.594	2.011.659.705	144.666.632
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	4.926.044	4.926.044	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	197.778.618	2.432.139.139	2.303.306.431	68.945.910
Cộng	529.629.691	7.480.621.934	8.473.932.896	1.522.940.653

4.9. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Cổ tức phải trả	20.757.500	12.350.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	230.181.686	118.827.093
Cộng	250.939.186	131.177.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vốn góp của công ty mẹ	12.750.000.000	12.750.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.250.000.000	12.250.000.000
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

4.10.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.10.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi / (Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	6.950.587.014	6.853.719.651
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.042.588.052	1.028.057.948
Lãi / (Lỗ) sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	5.907.998.962	5.825.661.703
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	2.363	2.330

4.10.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2018	738.489.044	8.812.357.619
Trích trong năm	1.028.057.948	1.370.743.930
Chi trong năm	1.128.193.113	-
Tại ngày 31/12/2018	638.353.879	10.183.101.549

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	31.553.343.250	28.172.349.250
Doanh thu cung cấp nước đóng chai	-	374.649.263
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	6.852.625.080	15.046.763.535
Doanh thu khác	294.400.000	184.000.000
Cộng	38.700.368.330	43.777.762.048

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 6

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	11.644.086.880	9.943.446.884
Giá vốn cung cấp nước đóng chai	-	342.449.840
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	6.189.551.434	13.637.571.033
Giá vốn khác	186.762.851	150.076.559
Cộng	18.020.401.165	24.073.544.316

Trong đó, Giá vốn đối với bên liên quan – Xem thêm mục 6

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	469.842.258	356.462.682

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	2.276.636.248	1.988.412.848
Chi phí vật liệu, bao bì	1.379.559.323	1.127.445.683
Chi phí khác	334.490.334	328.944.901
Cộng	3.990.685.905	3.444.803.432

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.124.442.906	4.010.534.622
Thuế, phí và lệ phí	1.913.706.638	1.786.760.834
Chi phí khấu hao	288.325.884	296.740.007
Chi phí khác	2.150.141.889	1.718.160.074
Cộng	8.476.617.317	7.812.195.537

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.095.173.883	11.973.808.614
Chi phí nhân công	13.071.133.813	11.453.914.415
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.298.297.208	2.205.652.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.390.979.649	6.945.280.154
Chi phí khác bằng tiền	4.501.468.813	3.677.653.513
Cộng	29.357.053.366	36.256.309.220

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	8.729.483.767	8.607.999.093
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	165.000.000	163.398.120
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	8.894.483.767	8.771.397.213
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.778.896.753	1.754.279.442

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

- Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp
- Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
- Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
- Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình
- Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty mẹ sau cùng
Công ty mẹ
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Nhân sự quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	298.503.486	1.620.984.677
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch	58.509.490	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	134.645.941	61.850.400
Cộng – Xem thêm mục 4.2	491.658.917	1.682.835.077

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả thương mại – Xem thêm mục 4.7		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	(539.721.626)	(2.599.065.594)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	2.028.716.066	8.040.427.602
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch	1.063.808.899	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	2.143.390.961	-
Cộng – Xem thêm mục 5.1	5.235.915.926	8.040.427.602

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Mua hàng – Xem thêm mục 5.2		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	347.287.020	2.300.099.100

Thù lao của Hội đồng Quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao và thu nhập	2.842.426.746	2.194.862.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	512.205.000	382.090.000

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 02 năm 2019

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Người lập

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.750.283.718	21.123.351.356
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	13.835.635.564	13.131.927.342
1. Tiền	111		3.270.032.677	4.331.927.342
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.565.602.887	8.800.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.537.470.537	5.530.668.415
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	1.068.439.378	4.805.601.404
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		213.559.000	303.392.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		255.472.159	421.674.211
III. Hàng tồn kho	140		1.377.177.617	2.460.755.599
1. Hàng tồn kho	141	4.3	1.377.177.617	2.460.755.599
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.820.306.240	28.592.296.149
I. Tài sản cố định	220		27.774.491.263	26.355.200.057
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	27.514.657.942	26.287.366.732
Nguyên giá	222		49.407.609.252	45.950.811.258
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.892.951.310)	(19.663.444.526)
2. Tài sản cố định vô hình	227		259.833.321	67.833.325
Nguyên giá	228		320.000.000	110.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.166.679)	(42.166.675)
II. Bất động sản đầu tư	230	4.5	1.025.127.329	1.075.917.749
1. Nguyên giá	231		1.269.760.507	1.269.760.507
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(244.633.178)	(193.842.758)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		196.659.742	235.711.554
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		196.659.742	235.711.554
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.824.027.906	925.466.789
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	1.824.027.906	925.466.789
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		47.570.589.958	49.715.647.505

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.455.037.606	8.851.196.016
I. Nợ ngắn hạn	310		4.455.037.606	8.851.196.016
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	837.175.450	4.063.513.555
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.917.000	771.427.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	529.629.691	1.522.940.653
4. Phải trả người lao động	314		2.098.965.645	1.623.648.471
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		94.056.755	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.9	250.939.186	131.177.093
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.10.5	638.353.879	738.489.044
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43.115.552.352	40.864.451.489
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.10	42.924.071.008	40.751.541.942
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		85.464.672	85.464.672
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.183.101.549	8.812.357.619
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.655.504.787	6.853.719.651
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		704.917.773	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.950.587.014	6.853.719.651
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		191.481.344	112.909.547
1. Nguồn kinh phí	431		191.481.344	112.909.547
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		47.570.589.958	49.715.647.505



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 02 năm 2019

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	38.700.368.330	43.777.762.048
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13.233.636	489.960
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		38.687.134.694	43.777.272.088
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	18.020.401.165	24.073.544.316
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.666.733.529	19.703.727.772
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	469.842.258	356.462.682
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	3.990.685.905	3.444.803.432
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	8.476.617.317	7.812.195.537
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.669.272.565	8.803.191.485
10. Thu nhập khác	31		61.540.518	168.471.234
11. Chi phí khác	32		1.329.316	363.663.626
12. Lợi nhuận khác	40		60.211.202	(195.192.392)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.729.483.767	8.607.999.093
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.778.896.753	1.754.279.442
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.950.587.014	6.853.719.651
16. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.10.4	2.363	2.330



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 02 năm 2019

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Người lập biểu



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH (LKW)

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Giám đốc

A red circular stamp with a double border. The text inside the stamp reads: "M.SBN: 9600979283 C.T.C.P" at the top, "CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH" in the center, and "TX. LONG KHÁNH - T. ĐỒNG NAI" at the bottom. To the right of the stamp is a blue ink signature that appears to be "Nguyễn Quang Minh".

NGUYỄN QUANG MINH